

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KỲ ANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **23L**/UBND - GDĐT

Thị xã Kỳ Anh, ngày **02** tháng 3 năm 2017

V/v báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện
chính sách hỗ trợ học phí theo Quyết định
số 07/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017
của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Kính gửi:

- Trưởng các phòng: GD&ĐT, LĐ-TB&XH, TC-KH;
- UBND các xã, phường;
- Hiệu trưởng các trường Mầm non, THCS;
- Giám đốc Trung tâm DN-HN&GDTX.

Thực hiện Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 198/SGDĐT-KHTC ngày 23/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo v/v báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; UBND thị xã Kỳ Anh yêu cầu các Trưởng phòng; Chủ tịch UBND cấp xã và Hiệu trưởng các Trường Mầm non, THCS; Giám đốc Trung tâm DN-HN và GDTX thị xã thực hiện các nội dung sau:

1. Các trường Mầm non, THCS, Trung tâm Dạy nghề - HN&GDTX: Hướng dẫn phụ huynh học sinh làm đơn đề nghị hỗ trợ học phí (theo mẫu 01); Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào đơn đối với các đối tượng thuộc hộ gia đình được hưởng hỗ trợ, bồi thường thiệt hại bởi sự cố môi trường biển (Đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh).

2. Tổng hợp báo cáo nhu cầu hỗ trợ kinh phí theo các bước:

2.1. Các trường Mầm non, THCS lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí, xét duyệt theo Mẫu 1a (có mẫu kèm theo), nộp về phòng GD&ĐT để thẩm định.

2.2. Trung tâm Dạy nghề - HN&GDTX lập danh sách học sinh theo Mẫu 1d (có mẫu kèm theo), nộp về phòng Tài chính - Kế hoạch để thẩm định.

2.3. UBND các xã, phường lập danh sách học sinh, sinh viên học tại các trường công lập không thuộc tỉnh quản lý và học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập được hỗ trợ học phí, xét duyệt theo Mẫu 1e (có mẫu kèm theo), nộp về phòng LĐ-TB&XH để thẩm định.

2.4. Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết 21/2016/NQ-HĐND tỉnh theo Mẫu 2a (có mẫu kèm theo), chuyển phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và trình UBND thị xã phê duyệt.



2.5. Phòng LĐ-TB&XH tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết 21/2016/NQ-HĐND tỉnh theo Mẫu 2b (có mẫu kèm theo), chuyển phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và trình UBND thị xã phê duyệt.

2.6. Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết 21/2016/NQ-HĐND tỉnh theo Mẫu 3a (có mẫu kèm theo), trình UBND thị xã phê duyệt.

Thời gian phải hoàn thành các biểu mẫu, báo cáo **trước ngày 12/3/2017**.

UBND thị xã yêu cầu các Trưởng các phòng, Chủ tịch UBND các xã, phường, Hiệu trưởng các Trường học và Giám đốc Trung tâm Dạy nghề - HN&GDTX triển khai thực hiện nghiêm túc. Báo cáo về Ủy ban nhân dân thị xã đúng nội dung biểu mẫu và thời gian quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính Hà Tĩnh;
- Sở GD và ĐT;
- Thường trực Thị ủy, HĐND thị xã;
- Chủ tịch, PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT.
- Gửi: Văn bản giấy, điện tử.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Duy Vĩnh



Mẫu số 01

(Kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC PHÍ

(Áp dụng cho học sinh mầm non và phổ thông công lập)

Kính gửi Trường:.....

Họ và tên:.....

Nghề nghiệp: (ghi nghề nghiệp có thu nhập chính – bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường).

Thường trú tại xãhuyện tỉnh

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của học sinh:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm

Năm học.....Là học sinh lớp:..... Trường

Thuộc đối tượng phải nộp: (ghi tỷ lệ % tiền học phí phải nộp); (nếu thuộc đối tượng giảm học phí ghi thêm: tỷ lệ giảm học phí của đối tượng ... theo quy định tại Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ);

Học phí phải nộp cho năm học này là:

Mức học phí 1 tháng x số tháng thực học = đồng

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét hỗ trợ ... đồng, để học sinh..... được hưởng chính sách hỗ trợ tiền học phí theo quy định tại Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

....., ngày..... tháng..... năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

UBND XÃ (phường, thị trấn) XÁC NHẬN

- Hộ gia đình:

- Thuộc đối tượng được hỗ trợ, đền bù thiệt hại bởi sự cố môi trường biển theo Quyết định số ngày ... tháng ... của UBND cấp huyện

... ngày tháng năm 20...

TM. UBND XÃ (phường, thị trấn)

CHỦ TỊCH

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NQ 21/2016/NQ-HĐND

Năm học 2016-2017

(Áp dụng cho các Trường Mầm non và THCS công lập)

Mẫu kèm theo Văn bản số 198/SGDDT-KHTC ngày 23/02/2017 của Sở GD&ĐT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Học sinh lớp	Họ tên cha mẹ	Quyết định phê duyệt hỗ trợ (số, ngày tháng năm)	% học phí được giảm theo ND 86	% học phí được hỗ trợ theo NQ 21	Mức học phí HĐND tỉnh quy định (1.000 đ/tháng)	Mức học phí được hỗ trợ theo NQ 21 (1.000 đ/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đ/tháng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	(7)=100%-(6)	8	(9)=(7)*8	10	(11)=(9)*(10)	12
I	Xét duyệt của trường												
1	Nguyễn Văn A												
2	Nguyễn Văn B												
...	...												
II	Thẩm định của p.GD-ĐT												
1													
2													
...	...												

Ngày tháng năm 2017

TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT

Hiệu trưởng

Lý do
tăng, giảm
so với xét
duyet

UBND HUYỆN (THỊ, TP)

TRUNG TÂM: ...

biểu ld

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NQ 21/2016/NQ-HĐND

Năm học 2016-2017

(Áp dụng cho các Trung tâm thuộc huyện)

Mẫu kèm theo Văn bản số 198/SGDDĐT-KHTC ngày 23/02/2017 của Sở GD&ĐT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Học sinh lớp	Họ tên cha mẹ	Quyết định phê duyệt hỗ trợ (số, ngày tháng năm)	% học phí được giảm theo NĐ 86	% học phí được hỗ trợ theo NQ 21	Mức học phí HĐND tỉnh quy định (1.000 đ/tháng)	Mức học phí được hỗ trợ theo NQ 21 (1.000 đ/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đ/tháng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	(7)=100%-(6)	8	(9)=(7)*8	10	(11)=(9)*(10)	12
I	Xét duyệt của Trung tâm	(Cộng)											
1	Nguyễn Văn A												
2	Nguyễn Văn B												
...	...												
II	Thẩm định của p.TC-KH	(Cộng)											
1													Lý do tăng, giảm so với xét duyệt
2													
...	...												

Ngày tháng năm 2017

GIÁM ĐỐC

TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NQ 21/2016/NQ-HĐND

Năm học 2016-2017

(Áp dụng cho học sinh, sinh viên các trường công lập không thuộc tỉnh quản lý và các trường ngoài công lập)

Mẫu kèm theo Văn bản số 198/SGĐĐT-KHTC ngày 23/02/2017 của Sở GD&ĐT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Sinh viên trường	Ngành học	Họ tên cha mẹ	Quyết định phê duyệt hỗ trợ (số, ngày tháng năm)	% học phí được giảm theo NĐ 86	% học phí được hỗ trợ theo NQ 21	Mức học phí HĐND tỉnh quy định (1.000 đ/tháng)	Mức học phí thực nộp (1.000 đ/tháng)	Mức học phí được hỗ trợ theo NQ 21 (1.000 đ/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Thành tiền (1.000 đ/tháng)	Ghi chú (ký nhận)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	(7)=100%-(6)	8	9	(10)=(7)*8 nếu (8)<=(9); 10=7*9 (nếu 9<8)	11	(12)=(10)*11	12
I	Xét duyệt của UBND xã	(Cộng)													
1	Nguyễn Văn A														
2	Nguyễn Văn B														
...	...														
II	Thẩm định của p. LĐT BXH	(Cộng)													
1															Lý do tăng, giảm so với xét
2															
...	...														

Ghi chú: Danh sách này vừa áp dụng xét duyệt, thẩm định nhu cầu, vừa sử dụng mẫu để chi trả cho đối tượng

TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH

ƯỚNG PHÒNG LĐT B

Ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NQ 21/2016/NQ-HĐND
Năm học 2016-2017

Mẫu kèm theo Văn bản số 198/SGDDĐT-KHTC ngày 23/02/2017 của Sở GD&ĐT

STT	Tên đơn vị	Số đối tượng được hỗ trợ	Tổng nhu cầu kinh phí (1.000 đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3
A	Công lập			
I	Khối Mầm non			
1	Trường MN A			
2	Trường MN B			
...	...			
II	Khối THCS			
1	Trường THCS A			
2	Trường THCS B			
...	...			
B	Ngoài công lập			
I	Khối Mầm non			
1	Trường MN ...			
2	Trường MN ...			
...	...			
II	Khối THCS			
1	Trường THCS...			
2	Trường THCS...			
...	...			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH

Ngày tháng năm 2017
TRƯỞNG PHÒNG

UBND HUYỆN (THỊ, TP)

PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NQ 21/2016/NQ-HĐND

Năm học 2016-2017

Mẫu kèm theo Văn bản số 198/SGDDĐT-KHTC ngày 23/02/2017 của Sở GD&ĐT

STT	Tên đơn vị	Số đối tượng được hỗ trợ	Tổng nhu cầu kinh phí (1.000 đồng)	Ghi chú
A	B	C	I	5
A	CÔNG LẬP	(Cộng)		
	1 xã A			
	2 Xã B			
	...			
B	Ngoài công lập	(Cộng)		
1	Xã A			
2	Xã B			
...	...			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH

Ngày tháng năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG

UBND HUYỆN (THỊ, TP)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NQ 21/2016/NQ-HĐND

Năm học 2016-2017

Mẫu kèm theo Văn bản số 198/SGDDĐT-KHTC ngày 23/02/2017 của Sở GD&ĐT

STT	Tên đơn vị	Số đối tượng được hỗ trợ	Tổng nhu cầu kinh phí (1.000 đồng)	Ghi chú
A	B	C	I	5
	Tổng cộng: (A)+(B)			
A	Khối mầm non và phổ thông			
I	Công lập			
1	Khối Mầm non			
1.1	Trường MN A			
1.2	Trường MN B			
...	...			
2	Khối THCS			
2.1	Trường THCS A			
2.2	Trường THCS B			
...	...			
3	Trung tâm GDTX-HNDN			
II	Ngoài công lập			
1	Khối Mầm non			
1.1	Trường MN A			
1.2	Trường MN B			
...	...			
2	Khối THCS			
2.1	Trường THCS...			
2.2	Trường THCS...			
...	...			
B	Hỗ trợ sinh viên			
I	CÔNG LẬP	(Cộng)		
1	Xã A			
2	Xã B			
...	...			
II	Ngoài công lập	(Cộng)		
1	Xã A			
2	Xã B			
...	...			

.. Ngày tháng năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 07 /2017/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số Điều của Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND
ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách
hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên vùng bị ảnh hưởng bởi
sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 445/HĐND ngày 09/12/2016;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 416/BC-STP ngày 14/11/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển trên địa bàn Hà Tĩnh do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh gây ra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Học sinh, sinh viên là con của các hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hà Tĩnh bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển theo học các cấp học mầm non, trung

Người ký: Trung
tâm Công báo -
Tin học
Email:
ttcongbaotinhoc@
hatinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà
Tĩnh
Thời gian ký:
17.02.2017
14:33:29 +07:00

học cơ sở, trung học phổ thông; học chính quy tập trung tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học trong và ngoài công lập thuộc các đối tượng phải đóng học phí. Hộ gia đình bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển là những hộ gia đình thuộc đối tượng được hỗ trợ, bồi thường thiệt hại bởi sự cố môi trường biển do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ

1. Thời gian hỗ trợ: Trong 02 năm học 2016 - 2017 và 2017 - 2018; hỗ trợ theo thời gian thực học, nhưng không quá 9 tháng/năm học đối với học sinh mầm non và phổ thông; không quá 10 tháng/năm học đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

2. Mức hỗ trợ:

a) Đối với các đối tượng không được miễn, giảm học phí: Mức hỗ trợ 100% mức học phí, nhưng tối đa không quá mức quy định tương ứng với từng ngành học, cấp học theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Đối với các đối tượng được giảm học phí: Mức hỗ trợ tối đa là số chênh lệch giữa mức học phí tương ứng đối với từng cấp học, ngành học theo Nghị quyết quy định mức thu học phí của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi trừ đi mức học phí được giảm theo tỷ lệ quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH với mức học phí của từng cấp học, ngành học theo Nghị quyết quy định mức học phí của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mức thu học phí hiện nay quy định tại Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh.

Điều 4. Phương thức cấp tiền hỗ trợ

1. Đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh quản lý:

a) Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập do cấp huyện quản lý (kể cả Trung tâm DN-HN&GDTX): UBND cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ; trên cơ sở nguồn kinh phí được tỉnh giao để bố trí dự toán hoặc cấp bổ sung có mục tiêu theo hình thức cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, Trung tâm DN-HN&GDTX có học sinh được hỗ trợ học phí;

b) Học sinh học tại các trường trung học phổ thông (trường THPT): Kinh phí được bố trí dự toán hoặc bổ sung có mục tiêu cho các trường THPT có học sinh được hỗ trợ học phí theo hình thức cấp bù học phí;

c) Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh quản lý: Kinh phí được NSNN cấp bổ sung có mục tiêu cho các cơ sở giáo dục có đối tượng được hỗ trợ học phí theo hình thức cấp bù học phí.

2. Đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo không thuộc tỉnh quản lý:

a) Học sinh mầm non và trung học cơ sở ngoài công lập: Kinh phí được hỗ trợ qua Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu

giáo, học sinh trung học cơ sở hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả, quyết toán với Phòng Giáo dục và Đào tạo;

b) Học sinh học tại các trường THPT ngoài công lập: Kinh phí được hỗ trợ qua Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh (hoặc học sinh) hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả, quyết toán với Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hỗ trợ học phí đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học công lập không thuộc tỉnh quản lý; học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hỗ trợ học phí đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học ngoài công lập: Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho học sinh, sinh viên hoặc cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh, sinh viên hoặc ủy quyền cho UBND cấp xã chi trả, quyết toán với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

Kinh phí hỗ trợ mỗi năm học thực hiện 2 lần: Lần 1 chi trả 4 tháng đối với học sinh mầm non và phổ thông ngoài công lập và chi trả 5 tháng đối với học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học vào tháng 10 hoặc tháng 11; lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4; trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học sinh, sinh viên chưa nhận tiền hỗ trợ học phí theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

Điều 5: Hồ sơ, trình tự và trách nhiệm thẩm định:

1. Hồ sơ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ tiền học phí: Mẫu 01 áp dụng cho học sinh mầm non và phổ thông công lập không được miễn học phí; mẫu 02 áp dụng cho học sinh mầm non và phổ thông ngoài công lập không được miễn học phí; mẫu 03 áp dụng cho học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh quản lý không được miễn học phí; mẫu 04 áp dụng cho học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học không thuộc tỉnh quản lý, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập không được miễn học phí;

b) Mỗi năm học người học thuộc diện được hỗ trợ tiền học phí chỉ làm đơn 01 lần.

2. Trình tự thực hiện:

a) Đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh quản lý: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực hoặc 30 ngày kể từ ngày khai giảng năm học 2017 - 2018 cha, mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh, sinh viên có Đơn đề nghị hỗ trợ học phí gửi cơ sở giáo dục và đào tạo nơi theo học để tổng hợp gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

b) Đối với học sinh học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập; học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập không thuộc tỉnh quản lý; học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực

hoặc 30 ngày kể từ ngày khai giảng năm học 2017 - 2018 cha, mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; học sinh, sinh viên phải làm đơn có xác nhận của nhà trường gửi về: Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh học trung học cơ sở; Sở Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh học trung học phổ thông; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với học sinh, sinh viên học chính quy tập trung tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; giáo dục đại học công lập không thuộc tỉnh quản lý và học sinh, sinh viên học chính quy tập trung tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; giáo dục đại học ngoài công lập.

3. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ:

a) Hiệu trưởng trường mầm non và trường trung học cơ sở công lập có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định;

b) Hiệu trưởng trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí gửi sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định;

c) Giám đốc Trung tâm DN-HN&GDTX thuộc cấp huyện quản lý có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định;

d) Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh mầm non và trung học cơ sở ngoài công lập gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định;

e) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh trung học phổ thông ngoài công lập gửi Sở Tài chính thẩm định;

f) Hiệu trưởng, giám đốc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh quản lý xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh, sinh viên được hỗ trợ học phí gửi đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp để thẩm định. Riêng Trường Đại học Hà Tĩnh, các Trường Cao đẳng nghề, Cao đẳng chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định;

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi học sinh, sinh viên thuộc diện được hỗ trợ đăng ký hộ khẩu thường trú đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học không thuộc tỉnh quản lý; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập): Thực hiện xét duyệt hồ sơ và lập danh sách đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định.

Thời gian học sinh, sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban thì sẽ không hỗ trợ tiền học phí.

Điều 6. Công tác lập dự toán, phân bổ, quyết toán tiền hỗ trợ học phí

1. Lập dự toán đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc tỉnh quản lý:

Cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc tỉnh quản lý căn cứ mức thu học phí do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định và số lượng đối tượng được hỗ trợ học phí để lập danh sách, xây

dự toán kinh phí đề nghị cấp bù tiền hỗ trợ học phí: Đối với trường mầm non và trung học cơ sở gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện; Đối với trường THPT: Gửi Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh quản lý căn cứ mức thu học phí tương ứng với từng ngành nghề đào tạo của trường do HĐND tỉnh quy định và số lượng học sinh, sinh viên được hỗ trợ học phí để lập danh sách, xây dựng dự toán gửi cơ quan chủ quản cấp trên thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí.

2. Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ học phí đối với học sinh mầm non và phổ thông ngoài công lập; học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập không thuộc tỉnh quản lý và học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập.

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức thu học phí của các trường mầm non, trung học cơ sở công lập trên địa bàn do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định và số lượng đối tượng được hỗ trợ học phí đang học tại các trường mầm non và trung học cơ sở ngoài công lập trên địa bàn để lập danh sách, thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức thu học phí của các trường trung học phổ thông công lập trên địa bàn do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định và số lượng đối tượng được hỗ trợ học phí đang học tại các trường THPT ngoài công lập trên địa bàn để lập danh sách, thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

c) UBND cấp xã nơi có học sinh, sinh viên học chính quy tập trung (đăng ký hộ khẩu thường trú) thuộc diện được hỗ trợ học phí đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập không thuộc tỉnh quản lý; học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập: Căn cứ mức trần học phí của chương trình đại trà tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tương ứng với từng ngành, nghề đào tạo được quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, số đối tượng được hỗ trợ học phí để lập danh sách gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

3. Quản lý và quyết toán kinh phí.

a) Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện cấp bù, chi trả trực tiếp tiền hỗ trợ học phí có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và gửi báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách này về cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, gửi cơ quan tài

chính cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.

b) Số liệu quyết toán kinh phí cấp bù, chi trả hỗ trợ học phí được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị và được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.
2. Chính sách hỗ trợ học phí quy định tại Quyết định này được thực hiện từ ngày 01/9/2016 đến hết năm học 2017-2018.
3. Trường hợp các văn bản nêu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX, XD;
- Gửi VB: Giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Vinh.

**UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 198/SGDDĐT-KHTC
V/v báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện
hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số
21/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 02 năm 2017



Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- Các trường và cơ sở giáo dục thuộc tỉnh.

Người ký: Sở Giáo
dục và Đào tạo
Email:
sogiaoduc@hatinh.
gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà
Tĩnh
Thời gian ký:

Thực hiện Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định chi tiết một số Điều của Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành cấp tỉnh; các trường và cơ sở giáo dục thuộc tỉnh thực hiện và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính các nội dung sau:

1. Chỉ đạo các trường, cơ sở giáo dục trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn lập danh sách học sinh, sinh viên được hỗ trợ học phí; thẩm định, xét duyệt theo các mẫu:

- Mẫu 1a dùng cho các trường mầm non và trung học cơ sở công lập; X
- Mẫu 1b dùng cho các trường trung học phổ thông;
- Mẫu 1c dùng cho các trường mầm non và trung học cơ sở ngoài công lập;
- Mẫu 1d dùng cho các trung tâm thuộc huyện quản lý;
- Mẫu 1e dùng cho các xã để tổng hợp học sinh, sinh viên học tại các trường công lập không thuộc tỉnh quản lý và học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập;
- Mẫu 1f dùng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh quản lý.

2. Tổng hợp báo cáo nhu cầu kinh phí theo mẫu:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Mẫu 3a;
- Các sở, ngành cấp tỉnh: Mẫu 3b;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo: Mẫu 2a;
- Phòng Lao động Thương binh và Xã hội: Mẫu 2b;

3. Nơi nhận báo cáo:

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp nhu cầu kinh phí theo mẫu 3a đối với UBND cấp huyện, mẫu 3b đối với các sở, ngành cấp tỉnh; danh sách học sinh theo mẫu 1b đối với các trường trung học phổ thông bằng văn bản và thư điện tử theo địa chỉ phongkhtc@hatinh.edu.vn;

- Sở Tài chính: Tất cả các biểu mẫu (trừ biểu 1b).

4. Thời gian nhận báo cáo: Trước ngày 15/3/2017.

5. Nội dung khác:

Đối tượng được hưởng, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền xét duyệt, phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh.

(Quyết định số 7/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh và biểu mẫu kèm theo văn bản này được đăng tải trên hệ thống gửi nhận văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo, Website điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh: <http://hatinh.edu.vn>)

Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành cấp tỉnh phối hợp chỉ đạo thực hiện; yêu cầu các Trường Trung học phổ thông triển khai thực hiện. Báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính đúng nội dung biểu mẫu và thời gian quy định, sau thời gian nói trên nếu đơn vị nào không có báo cáo coi như đơn vị đó không có đối tượng được hỗ trợ học phí theo quy định./. *Seo*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để BC);
- Sở Tài chính (để PH);
- Giám đốc và các Phó GD;
- Các Phòng GD&ĐT (để TH);
- Lưu: VT, KHTC.

(Gửi bản giấy VB và DT)



Trần Trung Dũng